|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS HOẰNG PHÚ  **TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: KHOA HỌC TỰ NHIÊN KHỐI LỚP 6**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 02 ; Số học sinh: học sinh; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): không**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 3 đ/c ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 đ/c Đại học: 3 đ/c ; Trên đại học: không**

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1): Tốt: 3 đ/c; Khá: 0 đ/c; Đạt:không ; Chưa đạt:không**

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | - Bài giảng powerpoint (Kèm kênh: tranh, hình ảnh về quy định an toàn trong phòng thực hành).  - Video liên quan đến nội dung về các quy định an toàn trong phòng thực hành:  - Kính lúp, kính hiển vi quang học. Bộ mẫu vật tế bào cố định hoặc mẫu vật tươi, lamen, lam kính, nước cất, que cấy....  - Một số dụng cụ đo lường thường gặp trong học tập môn KHTN: Cân đồng hồ, nhiệt kế, ống đong, pipet, cốc đong....  - Video liên quan đến nội dung về cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học để quan | 4 bộ | **Bài 2: Một số dụng cụ đo và an toàn trong phòng học thực hành** |  |
| 2 | -Thước các loại, nắp chai các cỡ, …  -Cân đồng hồ, quất, đường, nước, bình chia độ, cốc, thìa, ống hút…  -Một đồng hồ đeo tay (đồng hồ treo tường); 1 đồng hồ điện tử (đồng hồ trên điện thoại); 1 đồng hồ bấm giờ cơ học.  - Đoạn video chế tạo đồng hồ Mặt Trời: | 4 bộ | **Bài 3: Đo chiều dài, khối lượng và thời gian** |  |
| 3 | -Nhiệt kế y tế, nhiệt kế rượu, nhiệt kế thủy ngân, nhiệt kế điện tử (nếu có)  - Bộ dụng cụ chế tạo nhiệt kế đơn giản (nếu còn đủ thời gian) | 4 bộ | **Bài 4: Đo nhiệtđộ** |  |
| 4 | -Phiếu học tập.  -Tranh ảnh về một số tính chất vật lí, tính chất hóa học của các chất trên power point.  -Bộ thí nghiệm hòa tan đường và dầu ăn với nước; bộ thí nghiệm đun nóng đường.  Mỗi nhóm: bộ thí nghiệm hình 6.4 SGK. | 4 bộ | **Bài 6: Tính chất và sự chuyển thể của chất** |  |
| 5 | -Hình ảnh: oxygen có mặt ở khắp nơi trên trái đất.  -Phiếu học tập cá nhân.  -Phiếu học tập nhóm.  -Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh:  + Dụng cụ:2 ống nghiệm có nút, 1 chậu thủy tinh; 1 cốc thủy tinh hình trụ có vạch chia; diêm  + Hóa chất: nước pha dung dịch kiềm, 1 cây nến gắn vào đế nhựa. | 4 Bộ | **Bài 7: Oxygen-Không khí** |  |
| 6 | -Hình ảnh: một số chất tinh khiết, hỗn hợp, nhũ tương, huyền phù.  -Bảng phụ trò chơi “ai nhanh hơn”  -Phiếu học tập tìm hiểu về huyết tương, huyền phù.  -Phiếu bài tập nhóm đôi.  -Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh:  + Dụng cụ: 3 cốc thủy tinh, 3 thìa thủy tinh, 3 ống nghiệm, thìa thủy tinh, đèn cồn.  + Hóa chất: nước cất, bột sắn, muối ăn, đường, bột đá vôi. | 4 Bộ | **Bài 10: Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch** |  |
| 7 | -Nhóm 1( tổ 1): đất, nước, 2 cốc thủy tinh, phễu lọc, giấy lọc.  - Nhóm 2( tổ 2): dầu ăn, nước, 1 cốc thủy tinh, phễu chiết, chai nhựa, giá sắt, kẹp sắt.  -Nhóm 3 (tổ 3): video về thực hành thí nghiệm tách muối ra khỏi hỗn hợp nước muối- xem trên máy vi tính GV chuẩn bị  - Nhóm 4 (tổ 4): video vềchế tạo máy lọc nước từ chai Coca- xem trên Ipad GV đã chuẩn bị. | 4 bộ | **Bài 11: Tách chất khỏi hỗn hợp** |  |
| 8 | - Hình ảnh từ 12.1 đến 12.12 SGK và một số hình ảnh liên quan.  - Một vài múi bưởi, cam, chanh…  - Đoạn phim về sự phân chia của tế bào thực vật.  - Vật liệu làm mô hình mô phỏng cấu tạo TB: túi nilon có khóa, hộp đựng thực phẩm trong suốt, gelatin, rau củ quả, xốp,….có hình dạng giống các bào quan.  - Phiếu học tập bài 12  - Kính hiển vi, kính lúp, các dụng cụ làm tiêu bản hiển vi quan sát tế bào vảy hành và các tiêu bản mẫu về các loại tế bào khác. | 4 bộ | **Bài 12. Tế bào – đợn vị cơ bản của sự sống** |  |
| 9 | - Hình ảnh:  + Một số sinh vật đơn bào, đa bào; trùng giày (hình dạng, hoạt động sống).  + Sơ đồ mô tả các cấp độ tổ chức từ tế bào đến cơ thể ở cây xanh.  + Sơ đồ mô tả các cấp độ tổ chức của cơ thể người.  + Một số loại mô ở cây xanh và ở người.  - Mô hình: cơ thể người, một số cơ quan ở cây xanh.  - Mẫu vật: dịch nấm men, mẫu cây xanh: cây rau cải, cây rau mồng tơi,…(tùy địa phương và khả năng sưu tầm mẫu của HS, GV).  - Kính hiển vi, kính lúp, đĩa đồng hồ, lam kính và lamen, giấy thấm.  - Dung dịch và hóa chất: lọ đựng dịch huyền phù nấm men, lọ nước cất, lọ đựng xanh methylene.  - Phiếu học tập, phiếu báo cáo thu hoạch. | 4 bộ | **Bài 13. Từ tế bào đến cơ thể** |  |
| 10 | Kính lúp cầm tay | 10 cái | **Bài 15: II. Thực hành xây dựng khóa lưỡng phân** |  |
| 11 | -Hình ảnh: vi khuẩn, virut.  -Bảng phụ trò chơi “ai nhanh hơn”  -Phiếu học tập tìm hiểu về virut và vi khuẩn.  -Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: Kính hiển vi, lam kính, la men.  Học sinh mang lọ ngâm rơm hoặc cỏ khô bằng nước ao đã ngâm 10 ngày | 4 bộ | **Bài 16. Virus và vi khuẩn** |  |
| 12 | -Hình ảnh về một số loại một số nguyên sinh vật, vai trò của nguyên sinh vật.( Hình 17.1-17.5- SGK).  -Một số hình ảnh sưu tầm về nguyên sinh vật, rạn san hô.  -Đoạn video về việc cá chết do tảo lục phát triển mạnh.  -Phiếu học tập số 1, 2, 3 bài25: Đa dạng nguyên sinh vật  -Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: Kính hiển vi, lam kính, la men.  Học sinh mang lọ ngâm rơm hoặc cỏ khô bằng nước ao đã ngâm 10 ngày | 4 bộ | **Bài 17: Đa dạng nguyên sinh vật** |  |
| 13 | - Thiết bị thí nghiệm theo hướng dẫn: kính lúp, máy ảnh, ống nhòm, găng tay bảo hộ, sổ bút ghi chép, kéo cắt cây, pank, vợt bắt sâu bọ, vợt bắt động vật thủy sinh, hộp nuôi sâu bọ, hộp hoặc bể chứa động vật thủy sinh.  - Học sinh tự kẻ phiếu quan sát vào sổ theo mẫu SGK vào sổ ghi chép. | 4 bộ | **Bài 25: Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên** |  |
| 14 | -Hình ảnh về các loại lực kế.  -Bảng phụ tương ứng với số nhóm  -Phiếu trò chơi “Nếu…thì…” và phiếu học tập  - Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: 1 lực kế lò xo, 1 khối gỗ, 1 khối kim loại.  -Đoạn video chế tạo lực kế lò xo đơn giản  -Đoạn video về tác dụng của lực khiến vật vừa bị biến dạng, vừa bị thay đổi tốc độ hoặc hướng chuyển động | 4 bộ | **Bài 26: Lực và tác dụng của lực** |  |
| 15 | -Video: va chạm giao thông, tập thể dụng với bóng.  -Hình ảnh rác thải kim loại.  -Phiếu học tập.  -Thí nghiệm: giá thí nghiệm, quả nặng, 2 thanh nam châm.  Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: bút viết bảng, giấy A3. | 4 bộ | **Bài 27: Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc** |  |
| 16 | - Hình ảnh về sự xuất hiện các loại lực ma sát trong thực tế đời sống và kỹ thuật.- Phiếu học tập KWL và phiếu học tập. Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: Khối gỗ, lực kế.,hộp đựng nước, tấm cản, bộ ổn định chuyển động. | 4 bộ | **Bài 28: Lực ma sát** |  |
| 17 | - Tranh ảnh về khối lượng.  - Video về lực hấp dẫn:  - Phiếu KWL  - Phiếu học tập tìm hiểu độ giãn của lò xo khi treo thẳng đứng.  - Bảng phụ. | 4 bộ | **Bài 29: Lực hấp dẫn** |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng thực hành Lý -CN | 1 | Bài 2: Một số dụng cụ đo và an toàn trong phòng học thực hành |  |
| 2 | Phòng thực hành Lý - CN | 1 | Bài 3: Đo chiều dài, khối lượng và thời gian |  |
| 3 | Phòng thực hành Lý -CN | 1 | Bài 4: Đo nhiệtđộ |  |
| 4 | Phòng thực hành Hóa- Sinh | 1 | Bài 6: Tính chất và sự chuyển thể của chất |  |
| 5 | Phòng thực hành Hóa - Sinh | 1 | Bài 7: Oxygen-Không khí |  |
| 6 | Phòng thực hành Hóa - Sinh | 1 | Bài 10: Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch |  |
| 7 | Phòng thực hành Hóa - Sinh | 1 | Bài 11: Tách chất khỏi hỗn hợp |  |
| 8 | Phòng thực hành Hóa - Sinh | 1 | Bài 12. Tế bào – đợn vị cơ bản của sự sống |  |
| 9 | Phòng thực hành Hóa - Sinh | 1 | Bài 13. Từ tế bào đến cơ thể |  |
| 10 | Phòng thực hành Hóa - Sinh | 1 | Bài 16. Virus và vi khuẩn |  |
| 12 | Sân trường và môi trường sinh thái xung quanh trường | 1 | Bài 25: Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên |  |
| 13 | Phòng thực hành Lý - CN | 1 | Bài 26: Lực và tác dụng của lực |  |
| 14 | Phòng thực hành Lý - CN | 1 | Bài 27: Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc |  |
| 15 | Phòng thực hành Lý - CN | 1 | Bài 28: Lực ma sát |  |
| 16 | Phòng thực hành Lý - CN | 1 | Bài 29: Lực hấp dẫn |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**1. Phân phối chương trình: Cả năm: 140 tiết Sinh học: 70 tiết Vật lý: 35 tiết Hóa học: 35 tiết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| **PHÂN MÔN HÓA HỌC**  **PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÁC PHÉP ĐO**  **Chủ đề 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành** | | | |
|  |  |  |  |
| 1 | **Bài 2: Một số dụng cụ đo và an toàn trong phòng học thực hành** | 4 | - Phân biệt được một số dụng cụ đo lường thường gặp trong học tập môn KHTN, biết cách sử dụng một số dụng cụ đo thể tích.  -Sử dụng được kính lúp và kính hiển vi quang học để quan sát mẫu vật.  - Phát biểu được quy định, quy tắc an toàn trong phòng thực hành.  - Nêu được ý nghĩa của các hình ảnh quy định an toàn trong phòng thực hành.  - Nhận biết được một số biển báo an toàn.  - Nêu được ý nghĩa của các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |
| **Chủ đề 2: Các phép đo** | | | |
| 2 | **Bài 3: Đo chiều dài, khối lượng và thời gian** | 6 | -Kể tên được một số dụng cụ đo chiều dài, đo khối lượng, đo thời gian thường dùng trong thực tế và trong phòng thực hành.  -Nêu đơn vị đo thời gian trong hệ SI và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, đo khối lượng và đo thời gian.  -Nêu được cách đo chiều dài, đo khối lượng, đo thời gian bằng những dụng cụ thường dùng.  - Thực hiện đo được chiều dài, khối lượng của vật, thời gian của một hoạt động nào đó. |
| 3 | **Bài 4: Đo nhiệt độ** | 4 | -Nêu được nhiệt độ là số đo mức độ nóng, lạnh của một vật.  -Nêu được đơn vị đo nhiệt độ thường dùng ở nước ta là độ C, kí hiệu là 0C  -Nêu được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tác dụng của nhiệt kế, kể tên được các loại nhiệt kế thường dùng  -Trình bày được cách sử dụng nhiệt kế y tế. |
| **PHẦN 2: CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CHẤT**  **Chủ đề 3: Các thể của chất** | | | |
| 4 | **Bài 5: Sự đa dạng của chất** | 2 | -Nêu được sự đa dạng của chất: Chất ở xung quanh ta, ở đâu có vật thể là ở đó có chất.  -Trình bày được một số đặc điểm cơ bản của ba thể rắn, lỏng, khí.  -Đưa ra được một số ví dụ về đặc điểm cơ bản của ba thể của chất. |
| 5 | **Bài 6: Tính chất và sự chuyển thể của chất** | 3 | -Nêu được một số tính chất của chất( tính chất vật lí và tính chất hóa học).  -Nêu được khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc.  -Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. |
| **Chủ đề 4: Oxygen và không khí** | | | |
| 6 | **Bài 7:**  **Oxygen - Không khí** | 4 | -Nêu được một số tính chất của oxygen và thành phần không phí.  -Nêu được tầm quan trọng của oxi đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.  -Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxi trong không khí.  -Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên, sự ô nhiễm không khí.  - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |
| **Chủ đề 5: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm** | | | |
| 7 | **Bài 8: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu thông dụng** | 5 | - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất.  - Biết cách tìm hiểu và rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng.  - Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |
| 8 | **Bài 9: Một số lương thực - thực phẩm thông dụng** | 2 | -Trình bày được tính chất và ứng dụng của lương thực, thực phẩm thông dụng.  -Biết cách tìm hiểu và rút ra được kết luận về tính chất của mốt số lương thực – thực phẩm thông dụng. |
| **Chủ đề 6: Hỗn hợp** | | | |
| 9 | **Bài 10: Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch** | 3 | -HS nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết,dung dịch.  -HS thực hiện một số thí nghiệm để nhận ra dung môi, dung dịch, chất tan và chất không tan.  -HS phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và không đồng nhất, dung dịch và huyền phù, nhũ tương qua quan sát.  - HS nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước. Lấy được ví dụ về sự hòa tan của các chất rắn trong nước. |
| 10 | **Bài 11: Tách chất ra khỏi hỗn hợp** | 2 | -Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.  -Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn. |
| **PHÂN MÔN SINH HỌC**  **PHẦN 2: VẬT SỐNG**  **Chủ đề 7: Tế bào** | | | |
| 1 | **Bài 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên** | 3 | - Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên.  - Trình bày được vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống.  - Phân biệt được các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.  - Nêu được những đặc điểm để nhận biết vật sống. |
| **PHẦN 2: VẬT SỐNG**  **Chủ đề 7: Tế bào** | | | |
| 2 | **Baì 12: Tế bào-đơn**  **vị cơ bản của sự sống** | 6 | - Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.  - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.  - Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính:màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.  - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.  - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.  - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → *n* tế bào).  - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.  - Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. |
| 3 | **Bài 13: Từ tế bào đến cơ thể** | 5 | - Nhận biết và nêu được sự khác nhau cơ bản giữa sinh vật đơn bào, sinh vật đa bào và lấy được ví dụ minh họa.  - Nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể và lấy được ví dụ minh họa.  - Phân tích được mối liên hệ giữa tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể.  - Nhận biết, quan sát, vẽ được hình đại diện sinh vật đơn bào.  - Nhận dạng, xác định, mô tả được các cơ quan cấu tạo cơ thể cây xanh.  - Nhận dạng, xác định được một số cơ quan ở cơ thể người. |
| **Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống** | | | |
| 4 | **Bài 14: Phân loại thế giới sống** | 3 | - Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống  - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được 5 giới của thế giới sống. Lấy được ví dụ cho mỗi giới.  - Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.  - Lấy được ví dụ chứng minh sự đa dạng về số lượng loài và môi trường sống của sinh vật.  - Nhận biết được tên địa phương và tên khoa học của sinh vật. |
| 5 | **Ôn tập giữa học kỳ I** | 1 | HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về: sử dụng dụng cụ đo và quy định an toàn trong phòng thực hành, cấu tạo của tế bào, đơn vị cơ bản của sự sống. Hiểu được khái niệm về lực và tác dụng của lực, vận dụng làm được các bài tập về lực. |
| 6 | **Bài 15: Khoá lưỡng phân** | 2 | -Nêu được cách xây dựng khóa lưỡng phân trong phân loại một số nhóm sinh vật  -Thực hành xây dựng được khóa lưỡng phân đối với một số đối tượng sinh vật |
| 7 | **Bài 16: Virut và vi khuẩn** | 4 | -HS mô tả được hình dạng, cấu tạo đơn giản của vi khuẩn, virut.  -HS phân biệt được virut và vi khuẩn.  -HS nêu được sự đa dạng về hình thái của vi khuẩn.  - HS nêu được một số bệnh do vi khuẩn, bệnh do virut gây nên và cách phòng chống bệnh do virut và vi khuẩn.  - HS vận dụng kiến thức về virut, vi khuẩn để giải thích một số hiện tượng trong thực tế. |
| 8 | **Bài 17: Đa dạng nguyên sinh vật** | 2 | -Nhận biết được một số nguyên sinh vật như: tảo lục đơn bào, tảo silic, trùng roi, trùng giày, trùng biến hình thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật.  -Nêu được sự đa dạng và vai trò của nguyên sinh vật.  -Nêu được một số bệnh, cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên.  -Quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.. |
| 9 | **Bài 18; Đa dạng nấm** | 2 | -Kể tên được một số loại nấm và môi trường sống của chúng, từ đó thể hiện được sự đa dạng của nấm .  -Phân loại được 3 đại diện của nấm dựa vào cấu trúc của cơ quan tạo bào tử.  -Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người.  -Nêu được một số bệnh do nấm gây ra ở con người, thực vật và động vật.  -Nêu được một số biện pháp phòng tránh bệnh do nấm gây ra ở con người. |
| 10 | **Bài 19: Đa dạng thực vật** | 2 | - Kể tên và nêu được đặc điểm phân chia các nhóm Thực vật.  - Phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch dẫn (Rêu); Thực vật có mạch dẫn và không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và không có hoa (Hạt trần); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và có hoa (Hạt kín).  - Nêu được sự tiến hóa giữa các nhóm Thực vật.  - Xác định được thực vật có ở môi trường xung quanh và xếp được chúng vào các nhóm tương ứng.  - Đề xuất được cách thức chăm sóc thực vật dựa trên hiểu biết về đặc điểm của chúng để giúp cây trồng phát triển tốt. |
| 11 | **Ôn tập cuối kỳ I** | 2 | HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về: đo chiều dài, khối lượng, nhiệt độ và thời gian. Hiểu được sự đa dạng của chất, tính chất và sự chuyển thể của chất. Biết phân loại thế giới sống và vận dụng vào đời sống. Vận dụng được các bài tập về lực. Hiểu và phân loại được các dạng năng lượng tự nhiên và năng lượng tái tạo. |
| 12 | **Bài 19: Đa dạng thực vật** | 2 | - Kể tên và nêu được đặc điểm phân chia các nhóm Thực vật.  - Phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch dẫn (Rêu); Thực vật có mạch dẫn và không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và không có hoa (Hạt trần); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và có hoa (Hạt kín).  - Nêu được sự tiến hóa giữa các nhóm Thực vật.  - Xác định được thực vật có ở môi trường xung quanh và xếp được chúng vào các nhóm tương ứng.  - Đề xuất được cách thức chăm sóc thực vật dựa trên hiểu biết về đặc điểm của chúng để giúp cây trồng phát triển tốt. |
| 13 | **Bài 20: Vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên** | 4 | Sau khi học xong bài học này, học sinh sẽ khám phá được vai trò của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống con người, bao gồm:  -Vai trò của thực vật đối với đời sống con người  -Vai trò của thực vật trong tự nhiên: Điều hoà khí hậu, góp phần hạn chế xói mòn, bảo vệ nguồn nước, hạn chế ô nhiễm không khí và có vai trò quan trọng đối với động vật  - Các biện pháp trồng và bảo vệ cây xanh |
| 14 | **Bài 21: Thực hành phân chia các nhóm thực vật** | 2 | -Quan sát và nêu được những đặc điểm cơ thể ở những mẫu vật quan sát  -Phân chia được thực vật thành các nhóm theo các tiêu chí phân loại đã học  -Phân biệt đưa ra dấu hiệu nhận biết về các nhóm thực vật |
| 15 | **Bài 22: Đa dạng động vật không xương sống** | 6 | -Nhận biết và nêu tên được một số nhóm động vật không xương sống.  -Nêu được một số lợi ích và tác hại của động vật không xương sống trong đời sống. |
| 16 | **Ôn tập giữa**  **học kỳ II** | 1 | HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về: oxygen và không khí. Hiểu và nhận biết được một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực , thực phẩm thông dụng. Hiểu được vai trò của thực vật trong đời sống và tự nhiên, sự đa dạng của động vật không xương sống, có xương sống và các loài sinh vật ngoài thiên nhiên. Biết được hiện tượng mọc và lặn của mặt trời, các dạng nhìn thấy của mặt trăng, hệ mặt trời và ngân hà. |
| 17 | **Bài 23: Đa dạng động vật có xương sống** | 6 | -Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.  -Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.  -Liên hệ thực tiễn, liệt kê được vai trò và tác hại của động vật có xương sống trong đời sống và cho ví dụ minh họa.  -Quan sát (hoặc chụp ảnh) được một số động vật có xương sống ngoài thiên nhiên và gọi tên được một số con vật điển hình. |
| 18 | **Bài 24: Đa dạng sinh học** | 2 | -Nêu được đặc điểm đặc đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học  -Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, trong thực tiễn và cho ví dụ.  -Tìm được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả. Giải thích được lí do cần bảo vệ đa dạng sinh học.  -Liên hệ thực tiễn, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học. |
| 19 | **Bài 25: Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên** | 5 | Sau khi học xong bài học này học sinh sẽ khám phá được quá trình lớn lên và sinh sản của tế bào bao gồm  - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.  - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên.  - Sử dụng được kháo lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.  - Quan sát và phân biệt được một số nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên.  - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật.  - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngài thiên nhiên. |
| 20 | **Ôn tập cuối HKII** | 2 | HS cầnđạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về: Hiểu được hỗn hợp chất tinh khiết, dung dịch, biết cách tách chất ra khỏi hỗn hợpở các chủ đề. Hiểu được vai trò của thực vật trong đời sống và tự nhiên, sự đa dạng của động vật không xương sống, có xương sống và các loài sinh vật ngoài thiên nhiên. Biết được hiện tượng mọc và lặn của mặt trời, các dạng nhìn thấy của mặt trăng, hệ mặt trời và ngân hà. |
| **PHÂN MÔN VẬT LÝ**  **PHẦN 3: NĂNG LƯỢNG**  **Chủ đề 9: Lực** | | | |
| 1 | **Bài 26: Lực và tác dụng của lực** | 5 | -Lấy được ví dụ chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc kéo; tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ, hướng chuyển động, biến dạng vật.  -Biết cách đo lực bằng lực kế lò xo.  -Biểu diễn được lực bằng mũi tên chỉ hướng |
| 2 | **Bài 27: Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc** | 2 | -Nêu được lực tiếp xúc xuất hiện khi vật gây ra lực có tiếp xúc với vật chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.  -Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |
| 3 | **Bài 28: Lực ma sát** | 4 | - Nêu được lực ma sát là lực tiếp xúc, xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật.  - Nhận biết lực ma sát là một loại lực cơ học.  - Hiểu và nêu được khái niệm về lực ma sát trượt, lực ma sát nghỉ.  - Nêu được đặc điểm của mỗi loại lực ma sát này.  - Làm thí nghiệm phát hiện ra ma sát nghỉ.  - Từ kiến thức thực tế và thu thập thông tin trong học liệu nêu được: Sự tương tác giữa bề mặt hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng.  - Hiểu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy sự chuyển động của lực ma sát.  - Phân tích một số hiện tượng về lực ma sát có hại, có lợi trong đời sống và kĩ thuật, trong an toàn gia thông đường bộ.  - Nêu được cách giảm tác hại của lực ma sát trong trường hợp lực ma sát có hại và vận dụng lợi ích của lực này trong trường hợp có lợi.  - Làm thí nghiệm chứng tỏ vật chịu tác dụng của lực cản khi vật chuyển động trong nước. |
| 4 | **Bài 29: Lực hấp dẫn** | 4 | -Nêu được khái niệm: Khối lượng là số đo lượng chất của một vật; Lực hấp dẫn là lực hút của các vật có khối lượng; Trọng lượng của một vật là độ lớn của lực hút của Trái đất lên vật.  -Thực hiện được thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. |
| **Chủ đề 10: Năng lượng** | | | |
| 5 | **Bài 30: Các dạng năng lượng** | 5 | - Từ tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.  - Phân loại được năng lượng theo tiêu chí. |
| 6 | **Bài 31: Sự truyền và chuyển dạng năng lượng** | 5 | -Nêu được sự chuyển hóa năng lượng từ dạng này sang dạng khác, hoặc truyền từ vật này sang vật khác. Trong quá đó, luôn có sự hao phí năng lượng.  -Trình bày được định luật bảo toàn năng lượng. |
| 7 | **Bài 32: Nhiên liệu và nằng lượng tái tạo** | 1 | -Lấy được ví dụ về nhiên liệu thường sử dụng trong thực tế.  -Hiểu được khi đốt cháy nhiên liệu sẽ giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng  -Hiểu nguồn gốc của các loại nhiên liệu chính như than đá, khí đốt dầu mỏ,...  -Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng |
| **PHẦN 4: TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI**  **Chủ đề 11: Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời, Mặt Trăng; hệ Mặt trời và Ngân Hà** | | | |
| 8 | **Bài 33: Hiện tượng mọc và lặn của Mặt Trời** | 4 | -Phân biệt được hình ảnh Mặt Trời di chuyển trên bầu trời từ Đông sang Tây không phải chuyển động chính xác của Mặt Trời.  -Trình bày được trục của Trái Đất là đường nối từ cực Bắc đến cực Nam, chiều quay của Trái Đất là từ Tây sang Đông.  -Giải thích được sự chuyển động của Mặt Trời nhìn từ Trái Đất: Mặt Trời mọc ở hướng Đông, lặn ở hướng Tây là do Trái Đất quay quanh trục của nó từ Tây sang Đông.  -Thực hiện được hoạt động thực tế: so sánh độ dài bóng của một cái que thẳng (cắm thẳng đứng trên mặt đất) in trên mặt đất vào lúc 8 giờ, 9 giờ và 10 giờ. |
| 9 | **Bài 34: Các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng** | 3 | -Hiểu được nguyên nhân vì sao nhìn thấy Mặt Trăng  -Hiểu về các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng  -Thiết kế mô hình thực tế (hoặc vẽ hình) để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong tuần trăng |
| 10 | **Bài 35: Hệ Mặt Trời và Ngân Hà** | 2 | -Trình bày được Mặt Trời và sao phát sáng, Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.  -Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau.  -Vận dụng được tranh ảnh để chỉ ra được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| **Giữa học kỳ I** | 90 phút | Tuần 9 | HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về: sử dụng dụng cụ đo và quy định an toàn trong phòng thực hành, cấu tạo của tế bào, đơn vị cơ bản của sự sống. Hiểu được khái niệm về lực và tác dụng của lực, vận dụng làm được các bài tập về lực. | Kiểm tra viết |
| **Cuối học kỳ I** | 90 phút | Tuần 18 | HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về: đo chiều dài, khối lượng, nhiệt độ và thời gian. Hiểu được sự đa dạng của chất, tính chất và sự chuyển thể của chất. Biết phân loại thế giới sống và vận dụng vào đời sống. Vận dụng được các bài tập về lực. Hiểu và phân loại được các dạng năng lượng tự nhiên và năng lượng tái tạo. | Kiểm tra viết |
| **Giữa học kỳ II** | 90 phút | Tuần 26 | HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về: oxygen và không khí. Hiểu và nhận biết được một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực , thực phẩm thông dụng. Hiểu được vai trò của thực vật trong đời sống và tự nhiên, sự đa dạng của động vật không xương sống, có xương sống và các loài sinh vật ngoài thiên nhiên. Biết được hiện tượng mọc và lặn của mặt trời, các dạng nhìn thấy của mặt trăng, hệ mặt trời và ngân hà. | Kiểm tra viết |
| **Cuối học kỳ II** | 90 phút | Tuần 35 | HS cầnđạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về: Hiểu được hỗn hợp chất tinh khiết, dung dịch, biết cách tách chất ra khỏi hỗn hợpở các chủ đề. Hiểu được vai trò của thực vật trong đời sống và tự nhiên, sự đa dạng của động vật không xương sống, có xương sống và các loài sinh vật ngoài thiên nhiên. Biết được hiện tượng mọc và lặn của mặt trời, các dạng nhìn thấy của mặt trăng, hệ mặt trời và ngân hà. | Kiểm tra viết |

**III. Các nội dung khác (nếu có):** Đ/c Huy bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán lớp 8, KHTN lớp 8

Đ/c Phương bồi dưỡng học sinh giỏi môn KHTN lớp 8

Đ/c Sơn bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán lớp 6, lớp 7

*Hoằng Phú, ngày 28 tháng 8 năm 2023*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  **Trần Quang Huy** | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Xuân Dương** |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. [↑](#footnote-ref-2)